TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41** /2024/KDTM-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Ngô Minh Tuấn** và **ông Lê Xuân Giang**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đỗ Thùy Trang**– Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên Tòa: **Bà Phong Thị Lan**- Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sở thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 27/2024/TLST- KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXX-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 102/2024/QĐXX-KDTM ngày 19 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng M**

Trụ sở: 54A , phường L, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng L** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông ***Nghiêm An V, ông Trần Mạnh T; ông Vũ Thành C và bà Trần Thị Phương T*** theo ủy quyền số 4798/2024/GUQ-TGĐ 12 ngày10 tháng 6 năm 2024.

***Bị đơn: Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu X**

Trụ sở chính: Số 80 phố K, phường Đ, quận BTL, thành phố Hà Nội

Người đại diện pháp luật: Ông **Nguyễn Minh K** -Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ***Đặng Hà L*** theo giấy ủy quyền ngày 19/9/2024.

(ông V và ông L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện; đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện cùng các bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên

tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng M trình bày:

-Ngày 13/12/2017, Ngân hàng M và Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu X(sau đây gọi tắt là: Công ty X) có ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 171/2017/HĐTD và phụ lục số 01 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 171/2017/HĐTD với số tiền vay **4.000.000.000 đồng** *(Bốn tỷ đồng)* và M sẽ cấp cho khách hàng dưới các hình thức tín dụng sai đây: Hạn mức cho vay ngắn hạn: **2**.000.000.000 đồng; Tín dụng thư (L/C): 4.000.000.000 đồng ; Bảo lãnh ngân hàng: 4.000.000.000 đồng ; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng : 12 tháng kể từ ngày 12/12/2017

- Ngày 09/04/2018, Ngân hàng M và Công ty X tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42/2018/HĐTD ; Phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.42/2018; và Phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02.42/2018; đều cùng ngày 09/4/2018 với hạn mức tín dụng là **1.380.000.000 đồng** *(Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng),* bao gồm: Hạn mức cho vay ngắn hạn: 860.000.000 đồng; Tín dụng thư (L/C): 1.380.000.000 đồng; Bảo lãnh ngân hàng: 1.380.000.000 đồng; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng : 12 tháng kể từ ngày 02/04/2018

-M đã giải ngân cho Công ty X tổng cộng số tiền là: 6.759.135.853 đồng thể hiện qua 7 Khế ước nhận nợ sau:

1. Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 13/12/2017: Số tiền nhận nợ: 1.396.070.500 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng. Ngày nhận nợ 13/12/2017. Lãi suất vay 14,4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng/lần theo quy định M từng thời kỳ.

2. Giấy nhận nợ lần thứ 02 ngày 31/01/2018: Số tiền nhận nợ: 275.777.810 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng. Ngày nhận nợ 31/01/2018. Lãi suất vay 14,7%/năm.

3. Giấy nhận nợ lần thứ 03 ngày 27/03/2018: Số tiền nhận nợ: 250.338.000 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng. Ngày nhận nợ 27/03/2018. Lãi suất vay 15%/năm.

4. Giấy nhận nợ lần thứ 04 ngày 27/04/2018: Số tiền nhận nợ: 362.059.500 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng. Ngày nhận nợ 27/04/2018. Lãi suất vay 14,7%/năm.

5. Giấy nhận nợ bắt buộc ngày 03/07/2018: Số tiền nhận nợ: 1.561.599.790 đồng. Thời hạn vay: thanh toán ngay sau khi có giấy nhận nợ. Ngày nhận nợ 03/07/2018. Lãi suất vay 24,27%/năm. Nhận nợ theo Đơn yêu cầu mở thư tín dụng nhập khẩu số 110103370025121 ngày 28/12/2017. Dư nợ còn lại đến ngày 18/07/2021 là 3.210.158.033 đồng (Trong đó: Gốc 1.518.680.335 đồng, tổng nợ lãi 1.691.477.698 đồng)

6. Giấy nhận nợ bắt buộc ngày 10/08/2018: Số tiền nhận nợ: 1.412.604.648 đồng. Thời hạn vay: thanh toán ngay sau khi có giấy nhận nợ. Ngày nhận nợ 10/08/2018. Lãi suất vay 16,37%/năm. Nhận nợ theo Đơn yêu cầu mở thư tín dụng nhập khẩu số 11010370025279 ngày 08/02/2018. Dư nợ còn lại đến ngày 18/07/2021 là 2.432.926.470 đồng (Trong đó: Gốc 1.412.604.648 đồng, tổng nợ lãi 1.020.321.822 đồng)

7. Giấy nhận nợ bắt buộc ngày 12/10/2018: Số tiền nhận nợ: 1.500.685.605 đồng. Thời hạn vay: thanh toán ngay sau khi có giấy nhận nợ. Ngày nhận nợ 12/10/2018. Nhận

nợ theo Đơn yêu cầu mở thư tín dụng nhập khẩu số 11010370025121 ngày 28/12/2017. Dư nợ còn lại đến ngày 18/07/2021 là 2.443.736.174 đồng (Trong đó: Gốc 1.500.685.605 đồng, tổng nợ lãi 943.050.569 đồng)

***Tài sản bảo đảm cho khoản vay:** Khoản vay tín chấp,không có tài sản bảo đảm

-Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, đến tháng 10/2018, Công ty X bắt đầu vi phạm thời hạn thanh toán. Tính đến thời điểm này Công ty X đã trả cho Ngân hàng được 2.327.165.265 đồng tiền nợ gốc và 71.410.458 đồng tiền nợ lãi. Còn lại 4.431.970.558 nợ gốc của các Giấy nhận nợ nêu trên, Công ty X đã không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết. M đã tạo điều kiện nhiều lần cho Công ty X trả nợ nhưng Công ty vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các Giấy nợ nợ đã ký

Nay Ngân hàng M đề nghị Toà án giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc Công ty X phải trả cho M số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến phiên hòa giải ngày 04/9/2024 là: **12.097.579.999 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 4.431.970.588 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.119.718.400 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.545.891.011 đồng

- Kể từ ngày 05/9/2024, Công ty X còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký với M cho đến khi thanh toán hết nợ cho M.

**** Tại phiên Tòa:*** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty X phải trả cho M số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến phiên hòa giải ngày hôm nay(ngày 25/9/2024) là: **12.168.940.974 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 4.431.970.588 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.167.292.365 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.569.667.994 đồng

2. Kể từ ngày 26/9/2024, Công ty X còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký với M cho đến khi thanh toán hết nợ cho M.

- Nguyên đơn giải trình về căn cứ để M cho Công ty X vay tín chấp là thông qua việc Ngân hàng đánh giá tài chính và dòng tiền của doanh nghiệp, ngoài ra đặc thù của hợp đồng tín dụng hạn mức chỉ duy trì trong 06 tháng. Khi cán bộ Ngân hàng đến thẩm định đối với doanh nghiệp về các tiêu chí trên, tại thời điểm giải ngân thì Ngân hàng cũng giải Ngân theo các chứng từ mà Công ty X cũng đã cung cấp đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về số tiền lãi trong hạn vẫn thay đổi là do cách tính của Ngân hàng, cụ thể lãi quá hạn = 150% lãi trong hạn, thì M tính lãi đối với khoản vay của Công ty X là tiền nợ gốc x lãi trong hạn, còn lãi quá hạn x 50%. Ngân hàng không tính lãi phạt chậm trả lãi đối với bị đơn.

- Đối với phương án hòa giải mà bị đơn đưa ra tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn không đồng ý

Tại bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn: **Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu X do ông Nguyễn Minh K và người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hà L trình bày:**

Ông Nguyễn Minh K là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần và Xuất nhập khẩu X theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30/10/2018. Ông K có quan hệ với ông Đặng Hà L (là Giám đốc - người đại diện theo pháp luật trước đây của công ty Cổ phần và Xuất nhập khẩu X) là người thuê nhà tại địa chỉ: số 80K, phường Đ, quận BTL, Thành phố Hà Nội vào thời điểm. Khi ông thuê nhà, ông có photo Căn cước công dân đưa cho ông L. Đến cuối năm 2018, ông K không còn thuê nhà tại địa chỉ số 80 K, phường Đ, quận BTL, Hà Nội nữa.

Lý do tại sao tôi trở thành người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần và Xuất nhập khẩu X thì ông không hề được biết. Đến khoảng cuối năm 2020, ông K được Tòa án án nhân dân quận BTL gọi lên làm việc để giải quyết một vụ kiện khác, bị đơn là Công ty Cổ phần và Xuất nhập khẩu X thì ông K mới biết ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty X. Sau đó, ông K đã gọi điện cho ông Đặng Hà L thì được biết ông L đã tự ý thay đổi người đại diện theo pháp luật sang tên ông. Do vậy, khi Tòa án yêu cầu giải quyết thì ông K đã gọi ông L lên cùng giải quyết và đã ủy quyền cho ông L lên làm việc với tòa án. Tại đó, ông K được biết là Công ty Cổ phần và Xuất nhập khẩu X đã bị thu hồi Giấy phép đăng ký kinh doanh. Sau vụ việc đấy, ông K có lên Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội để hỏi thông tin về việc ông làm người đại diện theo pháp luật của công ty và được trả lời rằng đây là công ty cổ phần nên không cần chữ ký của ông K khi thay đổi người đại diện theo pháp luật. Vì chủ quan ông K nghĩ lúc đó công ty đã bị thu hồi Giấy phép đăng ký kinh doanh nên ông K cũng không quan tâm hay tìm hiểu xem làm thủ tục để không còn là người đại diện của Công ty X nữa và ông cũng được tiếp quản công ty, không biết Công ty hoạt động hay không.

Đối với khoản nợ của công ty theo như nguyên đơn đã trình bày tại buổi làm việc hôm nay thì ông K mới biết qua Thông báo thụ lý của Tòa án. Khoản vay này do ông Đặng Hà L là người đại diện theo pháp luật của Công ty X vay của Ngân hàng M, ông K không biết gì về khoản vay này. Ông K đã liên lạc với ông Đặng Hà L cùng hợp tác ra giải quyết do vậy đề nghị Tòa án tạo điều kiện để công ty có phương án giải quyết dứt điểm vụ án.

**** Tại phiên Tòa:*** Ông Đặng Hà L là người đại diện theo ủy quyền của Công ty X và nguyên trước đây là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần và Xuất nhập khẩu X. Vì một số lý do nên sau đó ông và ông K có thỏa thuận với nhau để ông K đứng tên làm đại diện theo pháp luật trong giấy chứng nhận của Công ty X, chứ không có việc ông K không biết mình là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần và Xuất nhập khẩu X như ông trình bày. Thời điểm trước đây năm 2020,

Tòa án án nhân dân quận Bắc Từ Liêm cũng giải quyết việc Ngân hàng khác khởi kiện đối với Công ty X, lúc đó ông K cũng ủy quyền cho ông L ra Tòa giải quyết.

-Ông L xác nhận thời điểm ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty X, Công ty X có ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 171/2017/HĐTD và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42/2018/HĐTD ngày 09/4/2018 với số tiền vay 4.000.000.000 đồng. Nội dung Hợp đồng cũng như việc giải ngân các khoản tiền và việc vi phạm Hợp đồng tín dụng đúng như phía Ngân hàng trình bày, bị đơn không có ý kiến gì.

-Nay Ngân hàng M khởi kiện đối với Công ty X thì Công ty xác nhận số tiền nợ gốc, lãi như ngân hàng trình bày, đồng thời xác nhận nghĩa vụ trả nợ với M, tuy nhiên do hiện nay kinh tế của công ty gặp khó khăn, công ty đang trên nguy cơ phá sản đề nghị M miễn toàn bộ lãi trong hạn, lãi quá hạn vào 50 % tiền nợ gốc và cho Công ty được trả 50 % tiền nợ gốc trong thời hạn 4 năm, bắt đầu từ tháng 11 năm nay.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng*:**

** Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

- Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng cũng đã nhiều lần làm việc với bị đơn nhưng không đưa ra phương án giải quyết toàn bộ vụ án nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án.

- Hợp đồng tín dụng, phụ lục Hợp đồng và giấy nhận nợ đã được các bên tự nguyện ký kết, về nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 3, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M đòi khoản nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng. Buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng M số tiền nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp

- Bị đơn phải chịu chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu X có địa chỉ trụ sở chính tại địa chỉ: Số 80 phố K, phường Đ, quận BTL, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội thụ lý vụ án kinh doanh thương mại về: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" giữa đối với là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1điều 30, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**** Về nội dung***

[1]. Ngày 13/12/2017, Ngân hàng M và Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu X (sau đây gọi tắt là: Công ty X) có ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 171/2017/HĐTD và phụ lục số 01 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 171/2017/HĐTD với số tiền vay **4.000.000.000 đồng** *(Bốn tỷ đồng)* và M sẽ cấp cho khách hàng dưới các hình thức tín dụng sai đây: Hạn mức cho vay ngắn hạn: **2**.000.000.000 đồng; Tín dụng thư (L/C): 4.000.000.000 đồng ; Bảo lãnh ngân hàng: 4.000.000.000 đồng ; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng : 12 tháng kể từ ngày 12/12/2017

- Ngày 09/04/2018, Ngân hàng M và Công ty X tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42/2018/HĐTD ; Phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.42/2018; và Phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02.42/2018; đều cùng ngày 09/4/2018 với hạn mức tín dụng là **1.380.000.000 đồng** *(Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng),* bao gồm: Hạn mức cho vay ngắn hạn: 860.000.000 đồng; Tín dụng thư (L/C): 1.380.000.000 đồng; Bảo lãnh ngân hàng: 1.380.000.000 đồng; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng : 12 tháng kể từ ngày 02/04/2018

***Tài sản bảo đảm cho khoản vay:** Khoản vay tín chấp,không có tài sản bảo đảm

Thực hiện các Hợp đồng tín dụng nói trên, M đã giải ngân cho Công ty X tổng số tiền là: 6.759.135.853 đồng thể hiện qua 7 Khế ước nhận nợ.

-Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, đến tháng 10/2018, Công ty X bắt đầu vi phạm thời hạn thanh toán. Tính đến thời điểm này Công ty X đã trả cho Ngân hàng được 2.327.165.265 đồng tiền nợ gốc và 71.410.458 đồng tiền nợ lãi. Còn lại 4.431.970.558 nợ gốc của các Giấy nhận nợ nêu trên, Công ty X đã không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết. M đã tạo điều kiện nhiều lần cho Công ty X trả nợ nhưng Công ty vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các Giấy nợ nợ đã ký, nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (25/9/2024), Công ty X còn nợ M tổng số tiền

nợ gốc và nợ lãi là: **12.168.940.974 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 4.431.970.588 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.167.292.365 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.569.667.994 đồng.

[2]. Về phía bị đơn Công ty X xác nhận Công ty hiện còn nợ M tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2024) là: **12.168.940.974 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 4.431.970.588 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.167.292.365 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.569.667.994 đồng.

[3]. Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc:

Hội đồng xét xử xét thấy: Các Hợp đồng tín dụng hạn mức; các phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, dựa trên ý chí của các bên tham gia hợp đồng, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, Tòa án xác định Hợp đồng hạn mức tín dụng số 171/2017/HĐTD ngày 13/12/2017; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42/2018/HĐTD ngày 09/4/2018 và các phụ lục Hợp đồng cùng các khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng M với Công ty X là có thật và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Các bên đương sự đều xác nhận Công ty X hiện còn nợ Ngân hàng M tổng số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2024) là: 4.431.970.588 đồng.

Việc Công ty X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giữa hai bên ký kết là vi phạm quy định tại điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, buộc Công ty X phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng M số tiền nợ gốc là: **4.431.970.588 đồng**

[4]. Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn:

Tại Điều 5 của Hợp đồng hạn mức tín dụng số Hợp đồng hạn mức tín dụng số 171/2017/HĐTD ngày 13/12/2017 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42/2018/HĐTD ngày 09/4/2018 có quy định về lãi suất:

"Lãi suất cho vay: được tính trên dự nợ gốc giảm dần và quy định cụ thể tại các giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn"

Thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng tín dụng là do các bên tự nguyện thỏa thuận và không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó việc bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng là vi phạm các cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Nguyên đơn đã xuất trình cho Hội đồng xét xử bản kê chi tiết về khoản vay nợ và cách tính lãi theo quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức và các giấy nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng M với Công ty X, Hội đồng xét xử đã kiểm tra và thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó buộc Công ty X phải trả cho Ngân hàng M số tiền nợ lãi trong hạn là: **5.167.292.365 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **2.569.667.994 đồng**.

[5]. Yêu cầu đòi khoản lãi phát sinh đến khi Công ty X trả hết nợ cho Ngân hàng M

Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức và các phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết

giữa các bên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi nợ quá hạn của số tiền gốc mà bị đơn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (150% so với lãi suất trong hạn) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[6]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với luật định và nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Ngân hàng M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn: Công ty X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: = 12.168.940.974 đồng=112.000.000 đồng + 0,1% (8.168.940.974 đồng) = **120.168.941** đồng

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2018

Căn cứ Điều 3, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 463; 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M đối với Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu X

2. Buộc Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu X phải thanh toán cho Ngân hàng M theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 171/2017/HĐTD ngày 13/12/2017; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42/2018/HĐTD ngày 09/4/2018 và các phụ lục Hợp đồng tín dụng cùng khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 4.431.970.588 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi nghìn lăm trăm tám tám đồng);

- Nợ lãi trong hạn: 5.167.292.365 đồng (Năm tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm chín mươi hai nghìn ba trăm sáu lăm đồng);

- Nợ lãi quá hạn: 2.569.677.994 đồng (Hai tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tư đồng);

Tổng cộng: **12.168.940.947 đồng** (Mười hai tỷ một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn chín trăm bốn bảy đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các phụ lục Hợp đồng tín dụng cùng các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Ngân hàng M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **58.200.000** đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0021704 ngày 25/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là**: 120.168.941** đồng (Một trăm hai mươi triệu một trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng).

5.Trường hợp bản án quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Bắc Từ Liêm;*
- *Chi cục THA DS quận Bắc Từ Liêm;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chñ täa phi[a]n tßa**

Nguyễn Thị Thu Trang